

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 191/2017/HSST

Ngày 22 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đỗ Thị Hà.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phí Thị Thanh Huyền

2. Bà Tô Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lê Tiên Thành – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 186/2017/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2017/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thế V (Phạm Văn V) – Sinh ngày 20/01/1980; Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Xuân N, sinh năm 1944 và bà Trần Thị M, sinh năm 1950; Vợ là Phạm Thị Bích L, sinh năm 1983; Có hai con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 25/2013/HSST ngày 08/5/2013, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/9/2017 đến ngày 20/9/2017 chuyển tạm giam, có mặt.

2. Trần Văn C – Sinh ngày 05/5/1973; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Minh R (đã chết) và bà

Nguyễn Thị M, sinh năm 1943; Vợ là Phạm Thị M, sinh năm 1975; Có hai con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/9/2017 đến ngày 20/9/2017 chuyển tạm giam, có mặt.

- Những người tham gia tố tụng:

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1975

Nơi cư trú: SN 08, tổ 60, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Số nhà 37, đường N, Tổ 02, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Anh Phạm Quốc T, anh Nguyễn Đình T đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 16/9/2017, Phạm Thế V gọi điện thoại cho Trần Văn C (là chú vợ của V) rủ C đi mua ma túy về sử dụng chung, C đồng ý nên V điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Super Dream màu nâu biển số 17K7 – 2093 (V mượn của vợ là Phạm Thị Bích L) đến nhà C. Khi gặp nhau, C nói với V “chú không có tiền”, V nói “Cháu có 200.000 đồng đây rồi, chú lên xe cháu chở chú đi mua ma túy”. C đồng ý và ngồi sau xe do V điều khiển chở C đến đầu ngõ thuộc khu vực đường Lê Thánh Tông, tổ 21, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình thì C đứng trông xe, còn V đi bộ vào trong ngõ. V đi vào trong khoảng 100 mét thì gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 25 tuổi, V không biết tên, địa chỉ với số tiền 200.000 đồng được 02 gói ma túy bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu trắng, sau đó V cầm 02 gói ma túy trong lòng bàn tay rồi đi bộ ra chỗ C đứng chờ thì bị Tổ công tác Công an thành phố Thái Bình yêu cầu kiểm tra đối với C và V. Trước sự chứng kiến của hai người làm chứng là anh Phạm Quốc T và anh Nguyễn Đình T, V tự giác giao nộp cho Tổ công tác 02 gói ma túy vừa mua được. Tổ công tác mở 02 gói để kiểm tra, bên ngoài đều được gói bằng giấy bạc màu trắng, bên trong đều chứa chất bột màu trắng.

Kiểm tra người V và C, Tổ công tác thu tại túi quần bên phải V đang mặc 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đen, thu tại túi quần bên phải của C

đang mặc 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen xanh và số tiền 10.000 đồng. Đồng thời tiến hành thu giữ chiếc xe mô tô do V điều khiển.

Tại bản kết luận giám định số 371/KLGĐ-PC54 ngày 17/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận : *“Mẫu gửi giám định thu của Phạm Văn V và Trần Văn C là ma túy, loại Hêrôin có trọng lượng 0,2503 gam”*

Bản cáo trạng số 193/KSĐT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Thế V và Trần Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Phạm Thế V và Trần Văn C thống nhất khai: Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 16/9/2017, V rủ C đi mua ma túy về để sử dụng chung, V là người bỏ số tiền 200.000 đồng và chở C lên thành phố Thái Bình để mua ma túy. V trực tiếp vào trong ngõ mua ma túy, C đứng ngoài trông xe và đợi V. V đã gặp và mua của một người phụ nữ được 02 gói ma túy sau đó đi ra chỗ C đứng đợi thì bị lực lượng cảnh sát bắt quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Thế V và Trần Văn C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội ban hành ngày 20/6/2017; Khoản 3 Điều 7; Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thế V mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội ban hành ngày 20/6/2017; Khoản 3 Điều 7; Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn C mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2017.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định; Tịch thu của bị cáo Phạm Thế V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh đen, tịch thu của bị cáo Trần

Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen xanh để sung quỹ Nhà nước. Trả lại bị cáo Trần Văn C số tiền 10.000 đồng do không liên quan đến tội phạm.

Các bị cáo đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Ngày 16/9/2017, Phạm Thế V rủ Trần Văn C đi mua ma túy về sử dụng chung, V là người bỏ số tiền 200.000 đồng, chở C lên thành phố Thái Bình và trực tiếp đi vào mua ma túy. Trần Văn C thừa nhận việc V rủ C đi mua ma túy để sử dụng chung. Khi V đang cầm ma túy trên tay đi ra chỗ C đứng đợi thì bị lực lượng Công an thành phố Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Điều 194 – Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: hành vi của các bị cáo V và C là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy của Nhà nước. Các bị cáo là người có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực

hiện tội phạm, tàng trữ trái phép chất ma túy với số lượng 0,2503 gam Hêrôin mục đích để sử dụng cho bản thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian răn đe để cải tạo, giáo dục các bị cáo và để phòng chống tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 thì:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Hêrôin, coocain, Methamphetanmine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Như vậy, theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội thì thấy: mức hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nặng hơn so với mức hình phạt tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo V là người chủ động rủ bị cáo C đi mua ma túy, đồng thời V là người bỏ tiền, chở C đi và trực tiếp vào mua ma túy với mục đích là để sử dụng chung. C tiếp nhận ý chí của V một cách nhanh chóng và đi cùng với V lên thành phố Thái Bình, đứng trông xe cho V vào mua ma túy. Như vậy, trong vụ án đồng phạm này, V giữ vai trò cao hơn đồng thời V có nhân thân xấu, đã một lần bị xét xử về loại tội phạm liên quan đến ma túy nên V bị áp dụng mức hình phạt cao hơn C.

Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo khai báo thành khẩn nên cả hai bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Các bị cáo V, C không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Do các bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán kiếm lời nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc

điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh đen thu của bị cáo Phạm Thế V và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen xanh là vật chứng mà các bị cáo sử dụng vào việc liên lạc với nhau để rủ nhau đi mua ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền 10.000 đồng thu của bị cáo C, quá trình điều tra, xác minh thấy không liên quan đến tội phạm nên trả lại bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Superdream màu nâu biển kiểm soát 17K7 – 2093, bị cáo mượn của vợ là chị Phạm Thị Bích L, qua điều tra, xác định chị L cho bị cáo V mượn xe nhưng chị L không biết bị cáo V sử dụng để đi mua ma túy nên ngày 03/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chị L là đúng pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được người bán ma túy cho bị cáo Phạm Thế V nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thế V (Phạm Văn V) và Trần Văn C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội ban hành ngày 20/6/2017; Khoản 3 Điều 7; Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Thế V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 17/9/2017.

Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội ban hành ngày 20/6/2017; Khoản 3 Điều 7; Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn C 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 17/9/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định chứa trong phong bì niêm phong vật chứng số 371/KLGĐ-PC54 để tiêu hủy.

Tịch thu của bị cáo Phạm Thế V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh đen; Tịch thu của bị cáo Trần Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen xanh để sung quỹ Nhà nước. Trả lại bị cáo Trần Văn C số tiền 10.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 08/11/2017).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo Phạm Thế V và Trần Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Thế V và bị cáo Trần Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/11/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà